

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo/QĐ-ĐHTM ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh doanh quốc tế
Mã ngành:	7340120
Chuyên ngành đào tạo:	Thương mại quốc tế
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo ngành kinh doanh quốc tế đã được rà soát gần đây nhất theo Kế hoạch rà soát và hoàn thiện CĐR và CTĐT năm 2019 theo Thông báo số 326/TB-ĐHTM ngày 26/4/2019 của trường Đại học Thương mại

- Lần sửa đổi, bổ sung này, Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế đã thực hiện một số thay đổi như sau:

Về CĐR: Khoa đã thu gọn các PLO theo hướng tổng quan hơn, những đảm bảo bao phủ các CĐR được quy định tại khung năng lực quốc gia được ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016. Các CĐR cũng được trình bày theo các nhóm để dễ theo dõi hơn. Các CĐR cũng được nâng cấp đảm bảo các thang cao hơn trên thang đo Bloom.

Mục tiêu đào tạo cũng được viết lại nhằm đảm bảo

Xây dựng các ma trận tích hợp giữa môn học với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Các học phần được tăng thời lượng giờ thực hành để đảm bảo số giờ thực hành theo quy định.

Bổ sung một số học phần tự chọn đảm bảo tỷ lệ chọn 1:3 học phần ở tất cả các khối kiến thức.

Việc thực tập tổng hợp và viết Khóa luận tốt nghiệp cũng được xây dựng thành các học phần thực hành với mục tiêu đào tạo rõ ràng và dễ đo lường hơn.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:

Chương trình nhằm mục tiêu đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có đủ kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật nói chung và có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp về Kinh doanh quốc tế; từ đó sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng nhằm phân tích, giải quyết vấn đề, tham gia hoạch định chiến lược và kế hoạch kinh doanh trên thị trường quốc tế; Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế của các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước; ngoài ra có thể làm việc ở các cơ quan quản lý các cấp về hoạt động kinh doanh quốc tế đồng thời có cơ hội tiếp tục học tập và cơ hội làm việc tại các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu.

- Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo cử nhân Thương Mại quốc tế cung cấp cho người học các kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia chuyên ngành Thương Mại quốc tế, kiến thức nền tảng về nền kinh tế và kiến thức cơ sở ngành Kinh doanh quốc tế cùng các kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về ngành và chuyên ngành Thương Mại quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa. Đồng thời người học cũng có các kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh.

Người học sau khi hoàn thành khóa học được trang bị đầy đủ các kỹ năng về nghề nghiệp của ngành Kinh doanh quốc tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Thương Mại Quốc Tế như kỹ năng lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế và đầu tư quốc tế của doanh nghiệp; Kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa; đồng thời có khả năng tư duy và giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng bổ trợ như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình; kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng tiếng anh.

Khóa học cũng nhằm đào tạo người học thành một công dân có ý thức chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, Tuân thủ các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm

vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; tự giác, có trách nhiệm đối với công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực, có khả năng làm việc độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT cử nhân Kinh doanh quốc tế đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế; nắm vững những nguyên lý quy luật tự nhiên, xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội, kiến thức của ngành và chuyên ngành đào tạo bao gồm:

PLO1: Có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin và ngoại ngữ để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế.

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế học bao gồm các kiến thức về Kinh tế học vi mô và vĩ mô và các nhánh của Kinh tế học, từ đó có khả năng phân tích các vận động của nền kinh tế trong nước và thế giới, các vấn đề nảy sinh trong quá trình hội nhập Kinh tế quốc tế; nghiên cứu và dự báo các tình huống, các biến động môi trường kinh tế, kinh doanh quốc tế trong thực tế.

PLO3: Vận dụng được các nguyên lý chung về Kinh doanh quốc tế, đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế để có thể đánh giá các vấn đề, các tình huống Kinh doanh quốc tế trong thực tế.

PLO4: Vận dụng các kiến thức lý thuyết chuyên sâu thuộc chuyên ngành để có thể đánh giá các vấn đề Kinh doanh quốc tế trong các tổ chức trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn trong nước và các tập đoàn đa quốc gia, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức bổ trợ trong tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành Kinh doanh quốc tế và có thể liên thông sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành Kinh doanh quốc tế có kỹ năng chuyên nghiệp về Kinh doanh quốc tế ở các cấp độ khác nhau, từ thực hành tác nghiệp đến hoạch định chính sách, bao gồm:

PLO6: Có khả năng, kỹ năng nghề nghiệp nhằm hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch và quản lý hoạt động Kinh doanh quốc tế của các tổ chức, tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Kỹ năng lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu và phát triển, giải quyết các vấn đề về kinh doanh quốc tế và đầu tư quốc tế của doanh nghiệp

PLO7: Có khả năng kỹ năng nghề nghiệp nhằm xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các hoạt động Kinh doanh quốc tế tại các các tổ chức, các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia bao gồm: Kỹ năng nghiên cứu và đánh giá các thị trường, Kỹ năng giao dịch, soạn thảo hợp đồng và các văn bản chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa, Kỹ năng lập chương trình vượt rào cản thuế quan và các rào cản phi thuế khác như hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ trong xuất nhập khẩu hàng hóa.

PLO8: Có khả năng kỹ năng nghề nghiệp nhằm xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động đầu tư quốc tế tại các tổ chức, các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia.

PLO9: Vận dụng đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế quốc tế nói chung và Kinh doanh quốc tế nói riêng để giải quyết các vấn đề có liên quan; có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành Kinh doanh quốc tế:

PLO10: Có khả năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện, khả năng tư duy giải quyết vấn đề; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp;

PLO11: Có kỹ năng xây dựng và làm việc nhóm, có khả năng làm việc độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ, thích ứng với những thay đổi của môi trường, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

PLO12: Tuân thủ các quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp và có thái độ nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; tự giác, có trách nhiệm đối với công việc, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.

PLO13: Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

PLO13: Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

PLO14: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 và Quyết định 338/QĐ-ĐHTM ngày 14/03/2022 của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;
- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;
- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);
- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;
- b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;
- c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học
- f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40	
1.1	Giáo dục đại cương	29	
1.1.1	Các học phần bắt buộc	27	
1	Triết học Mác Lênin	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,12

3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	24,12
5	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	2	24,12
7	Tiếng anh 1	2	24,12
8	Tiếng anh 2	2	24,12
9	Tiếng anh 3	2	24,12
10	Tin học quản lý	3	36,18
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,12
12	Toán đại cương	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn	2	
1	Tâm lý học lao động	2	24,12
2	Kinh tế phát triển	2	24,12
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất	3	
1.2.1	Học phần bắt buộc	1	
	Giáo dục thể chất chung	1	
1.2.2	Học phần tự chọn	2	
	<i>Chọn 2 TC trong số các HP sau</i>		
1	Bóng ném	1	
2	Bóng chuyền	1	
3	Cầu lông	1	
4	Bóng bàn	1	
5	Cờ vua	1	
6	Bóng rổ	1	
1.3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	28	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc	17	
1	Kinh tế vi mô 1	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 1	3	36,18
3	Kinh tế quốc tế 1	3	36,18
4	Khoa học hàng hóa	2	24,12
5	Khởi sự kinh doanh	2	24,12
6	Tiếng Anh Thương mại 1	2	24,12
7	Tiếng Anh Thương mại 2	2	24,12
2.1.2.	Các học phần tự chọn	11	
1	Kinh tế đầu tư quốc tế	3	36,18
2	Kinh tế lượng	3	36,18
3	Nguyên lý kế toán	3	36,18
4	Marketing căn bản	3	36,18
5	Quản trị chuỗi cung ứng	3	36,18
6	Quản trị rủi ro	2	24,12
7	Kinh tế lao động	2	24,12

8	Quản trị học	3	36,18
9	Quản trị tài chính 1	3	36,18
10	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	24,12
11	Quản trị chiến lược	3	36,18
12	Quản trị công ty	3	36,18
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	41	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc	30	
1	Kinh doanh quốc tế*	3	34,12,5
2	Đầu tư quốc tế	3	36,18
3	Quản trị đa văn hóa	3	36,18
4	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	36,18
5	Quản lý môi trường trong Thương mại quốc tế	3	36,18
6	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế*	3	34,12,5
7	Nghiệp vụ hải quan	3	36,18
8	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	3	36,18
9	Đàm phán thương mại quốc tế	3	36,18
10	Hội nhập Kinh tế quốc tế	3	36,18
2.2.2.	Các học phần tự chọn	11	
1	Quản trị Logistics kinh doanh	3	36,18
2	Marketing quốc tế	3	36,18
3	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	3	36,18
4	Quản trị thương hiệu 1	3	36,18
5	Luật Kinh tế	3	36,18
6	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	36,18
7	Quản trị nhân lực quốc tế	2	24,12
8	Logistic quốc tế	3	36,18
9	Kinh tế doanh nghiệp	2	24,12
10	Quản trị kênh phân phối	2	24,12
11	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	36,18
12	Quản trị đổi mới, sáng tạo	3	36,18
2.3.	Kiến thức bổ trợ	12	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc	6	
1	Chính sách Kinh tế quốc tế	3	36,18
2	Kinh tế khu vực và ASEAN	3	36,18
2.3.2.	Các học phần tự chọn	6	
1	Thương mại điện tử căn bản	3	36,18
2	Mua và quản trị nguồn cung	3	36,18
3	Quản lý tài sản trí tuệ	3	36,18
4	Quản trị dịch vụ	3	36,18
5	Thị trường chứng khoán	3	36,18
6	Logistics trong thương mại điện tử	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	3	0,90

2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	7	0, 210
-------	--	---	--------

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn
- Học phần có đánh dấu * là học phần có giờ giảng thực tế

8.2. Mô tả các học phần

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục quốc phòng – an ninh	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
		Khôi kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

**Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương (mẫu số 4) các học phần trong CTĐT.*

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PGS,TS Nguyễn Hoàng

TS Nguyễn Duy Đạt